

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2019/HC-PT

Ngày: 25/7/2019

*“V/v khởi kiện hành vi
hành chính”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Thanh

-Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung

Ông Vũ Văn Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Trần Quang Hòa
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 01/2019/TLPT-HC ngày 15/02/2019 về việc khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp xác nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bản hành chính sơ thẩm số: 02/2018/HC - ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H bị người khởi kiện là ông Trần Đình L kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2019/QĐPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Đình L; nơi cư trú: Số 13/48 đường Trần P, phường Phước V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự: Luật sư Nguyễn văn P, Văn phòng luật sư Huế (HUELAW).

Địa chỉ: 31 Tổ H, Phường Phú h, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường Trường A, thành phố H.

Địa chỉ trụ sở: Số 146 đường Phan Bội C, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Trương Đại T.

Chức vụ: Chủ tịch UBND phường Trường A, thành phố H, có mặt.

Người làm chứng:

Bà Phan Thị L và Ông Đỗ Văn H.

Đều có cùng nơi cư trú: Số nhà 10/1/245 đường Phan Bội C, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện - ông Trần Đình L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 135m², tọa lạc tại Tổ 13 khu vực 4, phường Trường A, thành phố H do ông mua của ông Đỗ Văn N (có nguồn gốc đất do ông N khai hoang để trồng hoa màu) vào tháng 02/1993 với giá 01 chỉ vàng. Khi mua có lập giấy thoả thuận viết tay nhưng sau đó bị thất lạc, nên đến tháng 5/1993 thì ông L đề nghị ông N làm đơn xác nhận lại việc chuyển nhượng. Sau khi mua lại của ông N thì ông và gia đình không sinh sống trên thửa đất này mà chỉ làm một hàng bờ lô xung quanh làm ranh giới và trồng tre từ năm 1994. Năm 2007, ông có sửa chữa nhà bằng việc thay ván cũ bằng bờ lô. Quá trình sử dụng đất, ông không đóng thuế đất vì cán bộ địa chính phường Trường A, thành phố H nói khi nào làm xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đóng thuế.

Năm 2010, ông L có gặp ông Ngô Q là cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân phường Trường A, thành phố H xin làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Q hướng dẫn và nói để lấy ý kiến dân cư xung quanh và công an phường xác minh rồi mới làm thủ tục hồ sơ. Ngày 08/5/2014, ông L có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi ông Q nhưng không có giấy biên nhận.

Ngày 30/8/2014, ông L tiếp tục làm đơn gửi Văn phòng đăng ký đất đai để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H chuyển hồ sơ của ông cho Ủy ban nhân dân phường Trường A xác nhận nhưng Ủy ban nhân dân phường Trường A không xác nhận.

Ngày 13/01/2016, ông tiếp tục làm đơn gửi Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, đến ngày 04/11/2016 thì Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H trả hồ sơ lại cho ông với lý do ông lấn chiếm mảnh đất đó vào năm 2010. Ngày 21/11/2016, ông đã nhận được hồ sơ trả lại.

Ngày 25/5/2017, ông L có làm đơn khiếu nại vượt cấp; sau khi ông khiếu nại thì cấp trên đã tiến hành chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường Trường A giải quyết khiếu nại của ông nhưng ông cho rằng Ủy ban nhân dân phường Trường A giải quyết không

thỏa đáng. Do đó, ông gửi đơn khởi kiện tại Tòa án vào tháng 11/2017. Quá trình bổ sung giấy tờ tại Tòa án để chờ giải quyết thì vào khoảng đầu tháng 01/2018, ông nhận được quyết định giải quyết khiếu nại số 237 ngày 06/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường Trường A, thành phố H. Nội dung giải quyết khiếu nại có hai nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông về hành vi xác nhận hồ sơ không đúng sự thật của Ủy ban nhân dân phường Trường A, thành phố H; Công nhận phần nội dung hành vi hành chính do chậm trễ trong việc xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông.

Nay ông L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết: Buộc UBND phường Trường A, thành phố H thực hiện đúng nhiệm vụ công vụ xác nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 121m² tọa lạc tại Tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H đúng thực tế là đất thuộc quyền sử dụng của ông, để ông thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; Yêu cầu xem xét một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 237 ngày 06/12/2017 của UBND phường Trường A, thành phố H về việc không công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông về việc khiếu nại hành vi xác nhận hồ sơ không đúng sự thật.

2. Người bị kiện - Ủy ban nhân dân phường Trường A trình bày:

Về quá trình giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình L: Tháng 5/2014, ông Trần Đình L nộp hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, tọa lạc tại Tổ 13 khu vực 4, phường Trường A tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H). Trong hồ sơ chuyển về không có giấy tờ thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ có “Đơn xin xác nhận” được UBND phường Trường A xác nhận ngày 15/5/1993 (đơn này được UBND thành phố đã xác định theo công văn 1844/UBND-NC ngày 10/8/2011: Không phải hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất). UBND phường Trường A đã có Công văn số 52/UBND-ĐCXD ngày 11/7/2014 về việc đề nghị trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình L.

Ngày 30/8/2014, ông L nộp lại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã chuyển hồ sơ về UBND phường Trường A kèm Công văn ngày 15/9/2014 về việc xác nhận và luân chuyển hồ sơ. Trong hồ sơ UBND phường Trường A nhận cũng không có chứng cứ sử dụng đất gì mới khác với trước đây.

Ngày 01/10/2014, UBND phường Trường A có Công văn số 87/UBND-ĐCXD về việc đề nghị trả hồ sơ.

Tháng 02/2016, UBND phường Trường A nhận lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Đình L thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 121.1m² từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H. Do trong thành phần hồ sơ không có các giấy tờ khác chứng minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, UBND phường Trường A tiếp tục có công văn số 19/UBND-ĐCXĐ ngày 3/3/2016 về việc đề nghị trả hồ sơ.

Tháng 5/2016, UBND phường Trường A nhận được công văn số 3007/UBND-KNTC ngày 25/5/2016 của UBND thành phố H về việc thống nhất với nội dung đề xuất tại báo cáo số 17/BC-HĐTV ngày 20/5/2016 của Hội đồng tư vấn yêu cầu UBND phường xác nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ các nội dung kết luận của Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại thành phố H, qua kiểm tra hồ sơ địa chính liên quan, UBND phường Trường A đã xác nhận hồ sơ ngày 26/7/2016 và chuyển lại cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H với nội dung như sau: *“Thửa đất 207, bản đồ 29, diện tích 121.1m² đăng ký xin cấp giấy chứng nhận, tại hồ sơ, bản đồ địa chính thuộc: Thửa đất tại bản đồ 299 năm 1987 thuộc một phần thửa số 20, tờ bản đồ 01, diện tích 99.700m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý; bản đồ 202 năm 1998 thuộc một phần thửa số 02, bản đồ 29, diện tích 54.103.9m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý; bản đồ GIS năm 2007 - 2009 thuộc một phần thửa số 116, bản đồ 29, diện tích 5.230.3m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý. Hiện trạng thửa đất nằm trong quy hoạch khu Trung tâm văn hóa TDTT của UBND phường theo Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 03/03/2011 của UBND thành phố H “Về việc phê duyệt điều chỉnh phương án - kế hoạch bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng”.*

+ Căn cứ ông Trần Đình L lấn chiếm đất: Về nguồn gốc đất do lấn chiếm đất công làm nhà ở trái phép từ năm 2010, đã bị UBND phường Trường A lập Biên bản vi phạm hành chính và ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng của đất năm 2010. Qua thẩm tra xác minh, làm việc với người làm chứng đều khẳng định: Nguồn gốc thửa đất trên là đất mồ mả, không rõ việc mua bán đất giữa ông N và ông L và việc lấn chiếm để xây dựng nhà ở của ông L tại thửa đất trên là từ khoảng sau năm 2007-2008 đến trước ngày 01/7/2014. Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại thành phố H cũng khẳng định: Không thể dùng giấy tờ đó để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về việc xử phạt thì vào ngày 05/10/2010, UBND phường Trường A đã tiến hành theo trình tự và có lập biên bản xử phạt.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, UBND phường Trường A không đồng ý. Bởi vì qua tất cả các văn bản tài liệu đã giao nộp cho Toà án đã thể hiện đất có nguồn gốc là đất của nhà nước do UBND phường Trường A quản lý. Do đó, không có cơ sở để UBND phường Trường A, thành phố H xác nhận vào đơn xin

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của ông L.

3. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17/12/2018 Tòa án nhân dân thành phố H, đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 81, Điều 82, Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 18, khoản 5 Điều 48 của Luật đất đai năm 1987; Điều 50, Điều 140 và Điều 143 của Luật đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 7, Điều 100 và Điều 101 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 17 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Trần Đình L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Ngày 28/12/2018, người khởi kiện - ông Trần Đình L có đơn kháng cáo bản án số 02/2018/HC-ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H với nội dung như sau:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ủy ban nhân dân phường Trường A xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của ông L đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại Tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện - ông Trần Đình L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm.

+ Người khởi kiện, người bị kiện thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm.

+ Đơn kháng cáo của ông Trần Đình L đúng hạn luật định quy định tại khoản 1 điều 206 và đơn có đầy đủ nội dung theo quy định tại điều 205 của Luật tố tụng hành chính, nên cần chấp nhận để đưa ra xét xử phúc thẩm.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định nguồn gốc thửa đất ông L yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là đất thuộc quyền sở hữu của Nhà nước do Ủy ban nhân dân phường Trường A quản lý. Ông L không phải là người sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 29, diện tích 121m² tọa lạc tại tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H. Do đó, Ủy ban nhân dân phường Trường A không có cơ sở để xác nhận cho ông L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về yêu cầu xem xét một phần quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 237 ngày 06/12/2017 của UBND phường Trường A về việc không công nhận một phần nội dung khiếu nại của ông Trần Đình L về việc khiếu nại hành vi xác nhận hồ sơ không đúng sự thật của UBND phường Trường A xét thấy căn cứ vào các tài liệu quản lý đất đai và theo các hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không có tài liệu nào chứng minh căn cứ quản lý, sử dụng hợp pháp đối với thửa đất trên của ông Đỗ Văn N và ông Trần Đình L và thửa đất này thuộc quyền quản lý của UBND phường Trường A theo quy định của pháp luật, đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt quy hoạch. Từ những căn cứ nêu trên:

Đề nghị HĐXX tuyên không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H và buộc ông L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của người khởi kiện, người bị kiện, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Xét kháng cáo của người khởi kiện - ông Trần Đình L:

Theo ông L trình bày, vào tháng 02/1993 giữa ông và ông Đỗ Văn N có thực hiện việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 135m², tọa lạc tại Tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H. Nguồn gốc thửa đất này là do ông N tự ý khai hoang để trồng hoa màu, chưa được sự đồng ý của cơ

quan nhà nước có thẩm quyền. Do giấy chuyển nhượng này bị mất nên đến tháng 5/1993 ông L đã yêu cầu ông N xác nhận có việc chuyển nhượng diện tích nói trên và được Ủy ban nhân dân phường Trường A chứng thực. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, vợ con ông Đỗ Văn N có văn bản xác nhận việc chuyển nhượng diện tích thửa đất nói trên giữa ông N và ông L vào tháng 5/1993.

Ông L cho rằng ông N là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 135m², tọa lạc tại Tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H với lý do là ông N đã có công khai hoang để sử dụng vào mục đích trồng hoa màu. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thửa đất ông N không tiến hành kê khai đăng ký tại chính quyền địa phương, mặt khác theo bản đồ 299 đo vẽ vào năm 1987 thì thửa đất nói trên thuộc một phần thửa số 20, tờ bản đồ 01, diện tích 99.700m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Luật đất đai năm 1987 quy định:

Điều 5 : “*Nghiêm cấm việc mua, bán, lấn chiếm đất đai, phát canh thu tô dưới mọi hình thức...*

Điều 18:

1. Khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho phép chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp mà chưa đăng ký thì người sử dụng phải xin đăng ký đất đai tại cơ quan Nhà nước nói ở khoản 2 điều này.

2. Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn và Ủy ban nhân dân xã thuộc huyện lập, giữ sổ địa chính, vào sổ địa chính cho người sử dụng đất...”

Do đó, tại thời điểm thực hiện hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất tháng 02/1993 giữa ông Đỗ Văn N và ông Trần Đình L đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 135m², tọa lạc tại Tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Đơn xin xác nhận của ông N vào tháng 5/1993 chỉ là văn bản ghi nhận ý kiến của riêng cá nhân của ông N, Ủy ban nhân dân phường Trường A chỉ chứng thực việc ông N có hộ khẩu thường trú tại địa phương mà không chứng thực nội dung có việc chuyển nhượng giữa ông và ông N liên quan đến thửa đất số 207, tờ bản đồ 29, diện tích 135m², tọa lạc tại Tổ 13, khu vực 4, phường Trường A, thành phố H. Nội dung xác nhận này không được xem là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, căn cứ vào các tài liệu do các đương sự cung cấp cũng cho thấy: Thửa đất mà ông N chuyển nhượng cho ông L là loại đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân phường Trường A quản lý từ sau năm 1975, việc ông N khai hoang trồng hoa màu trên phần diện tích đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, không được kê khai đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Đình L đều thừa nhận đến nay không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc quản lý hợp pháp đối với thửa đất trên của ông Đỗ Văn N và ông

Trần Đình L trước và sau khi chuyển nhượng theo quy định của Luật đất đai 1987, 1993, 2003 và Luật đất đai năm 2013 về điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo ông L trình bày tại đơn khởi kiện là khi chuyển nhượng thì trên thửa đất đã có công trình xây dựng kiên cố là một ngôi nhà; tuy nhiên qua các lời khai cũng như tài liệu trong hồ sơ chỉ thể hiện khi chuyển nhượng trên thửa đất chỉ là có cái chòi lợp tranh, sau đó ông sửa chữa xây bờ lô, lợp tôn. Vào năm 2010, khi ông L tiến hành xây dựng công trình trên thửa đất này đã bị chính quyền địa phương lập biên bản xử phạt và buộc phải tháo dỡ vì xây dựng trên đất do Ủy ban nhân dân phường Trường A được giao quản lý.

Căn cứ vào các tài liệu quản lý đất đai và theo các hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, các nội dung kết luận của Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại thành phố H, qua kiểm tra hồ sơ địa chính liên quan, thể hiện: “Thửa đất 207, bản đồ 29, diện tích 121.1m² đăng ký xin cấp giấy chứng nhận, tại hồ sơ, bản đồ địa chính thuộc: Thửa đất tại bản đồ 299 năm 1987 thuộc một phần thửa số 20, tờ bản đồ 01, diện tích 99.700m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý; bản đồ 202 năm 1998 thuộc một phần thửa số 02, bản đồ 29, diện tích 54.103.9m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý; bản đồ GIS năm 2007 - 2009 thuộc một phần thửa số 116, bản đồ 29, diện tích 5.230.3m², loại đất nghĩa địa do nhà nước quản lý”.

Hiện trạng thửa đất nằm trong quy hoạch khu Trung tâm văn hóa TDTT của UBND phường theo Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 03/3/2011 của UBND thành phố H “Về việc phê duyệt điều chỉnh phương án - kế hoạch bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng”; đã được Ủy ban nhân dân thành phố H theo văn bản trả lời theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân phường Trường A không thực hiện hành vi duyệt xác nhận vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu của ông L đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại Tổ 13, Khu vực 4, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSD đất cho ông Trần Đình L là có căn cứ, đúng pháp luật như nội dung và quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H;

Chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ Điều 5, Điều 18, khoản 5 Điều 48 của Luật đất đai năm 1987; Điều 79 Luật đất đai năm 1993; Điều 50, Điều 140 và Điều 143 của Luật đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 7, Điều 100 và Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 điều 241 Luật tổ tụng hành chính để bác kháng cáo của ông Trần Đình L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa cần đưa Chủ tịch UBND phường Trường A tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của Chủ tịch UBND phường đã được khắc phục tại nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 237 ngày 06/12/2017 của UBND phường Trường A, đã được ông Trần Đình L chấp nhận và không bị người khởi kiện khiếu nại, khiếu kiện; không bị kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Đình L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; khoản 1 điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC - ST ngày 17/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Trần Đình L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 007632 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Ông Trần Đình L đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Thanh

